# 100 câu tục ngữ của người Tầu

Sưu tầm : Lâm San
Dịch giả : Dương Đình Hỷ

1- 一 是 一 二 是 二
Nhất thị nhất, nhị thị nhị
Một là một, hai là hai.
*Chỉ sự thật thà*.

2- 一 五 一 十
Nhất ngũ nhất thập
Một năm, một mười.
*Chỉ rõ chi tiết*.

3- 一 家 大 小
Nhất gia đại tiểu.
Một nhà lớn, nhỏ.
*Chỉ cả gia đình*.

4- 一 家 和 好
Nhất gia hòa hảo
Một nhà hòa hợp.
*Chỉ gia đình hòa hợp*.

5- 一 來 二 去
Nhất lai nhị khứ
Một đến hai lui.
*Chỉ sự tiếp xúc*.

6- 一 前 一 後

Nhất tiền nhất hậu.
Một trước, một sau.
*Chỉ sự xếp đặt trước, sau.*

7- 一 年 到 頭

Nhất niên đáo đầu
Một năm tới đầu.
*Chỉ cả năm – suốt năm.*

8- 一 分 爲 二

Nhất phân vi nhị
Một chia làm hai
*Chỉ sự chia đôi.*

9- 七 七 八 八

Thất thất bát bát
Bẩy bẩy, tám tám.
*Chỉ sự gần xong.*

10- 七 上 八 下

Thất thượng bát hạ
Bẩy trên, tám dưới.
*Chỉ sự bối rối.*

11- 七 老 八 十

Thất lão bát thập
Lão bẩy mươi, tám mươi.
*Chỉ lứa tuổi 70, 80.*

12- 七 十 二 行

Thất thập nhị hành
72 hành (có lẽ ám chỉ 72 phép biến hóa của Tôn Ngộ Không)
*Chỉ buôn bán đủ mọi thứ*.

13- 十 不 得 一
Thập bất đắc nhất
Mười chẳng được một.
*Chỉ sự thất bại*.

14- 十 之 八 九
Thập chi bát cửu
Mười phần được tám, chín.
*Chỉ sự thành công*.

15- 十 有 八 九
Thập hữu bát cửu
(Như câu trên)

16- 人 老 心 不 老
Nhân lão tâm bất lão
Người già tâm chẳng già.
*Chỉ người già, tâm trẻ*.

17- 人 小 心 不 小
Nhân tiểu tâm bất tiểu
Người nhỏ, tâm chẳng nhỏ.
*Chỉ còn nhỏ mà tâm như người lớn*.

18- 人 到 中 年
Nhân đáo trung niên

Người đến tuổi trung niên.
*Chỉ tuổi trung niên*.

19- 人 前 人 後

Nhân tiền nhân hậu
Người trước, người sau.
*Chỉ biết cách đối xử*.

20- 人 在 人 情 在

Nhân tại nhân tình tại
Có người là có tính người.
*Chỉ sự có tình cảm*.

21- 人 人 爲 我 我 爲 人 人

Nhân nhân vi ngã ngã vi nhân nhân
Mọi người vì tôi, tôi vì mọi người.
*Chỉ sự đồng lòng*.

22- 上 上 下 下

Thượng thượng hạ hạ
Trên trên, dưới dưới.
*Chỉ sự phân biệt*.

23- 上 下 一 心

Thượng hạ nhất tâm
Trên dưới một lòng.
*Chỉ sự đồng lòng* (đoàn kết).

24- 三 三 五 五

Tam tam ngũ ngũ

Ba ba, năm năm.
*Chỉ một nhóm người.*

25- 了 不 可 見
Liễu bất khả kiến
Xong mà không thấy.
*Chỉ sự nhìn không rõ.*

26- 了 了 可 見
Liễu liễu khả kiến
Thấy rõ ràng.
*Nhìn rõ mọi chi tiết.*

27- 小 中 見 大
Tiểu trung kiến đại
Từ trong cái nhỏ thấy cái lớn.
*Chỉ sự thấy cái chính trong cái nhỏ.*

28- 小 心 從 事
Tiểu tâm tòng sự
Chú ý khi làm.
*Cẩn thận khi làm mọi việc.*

29- 小 小 天 地
Tiểu tiểu thiên địa.
Trời đất nho nhỏ.
*Chỉ thế giới nhỏ bé của mình.*

30- 小 時 了 了
Tiểu thời liễu liễu

Tuổi nhỏ lanh lợi.
*Chỉ ngay từ nhỏ đã thông minh rồi.*

31- 大 得 人 心
Đại đắc nhân tâm
Được lòng người.
*Chỉ sự nổi tiếng.*

32- 大 有 人 在
Đại hữu nhân tại
Có nhiều người như thế.
*Chỉ sự không hiếm.*

33- 大 有 可 爲
Đại hữu khả vi
Có tương lai.
*Chỉ sự có năng lực.*

34- 大 有 見 地
Đại hữu kiến địa
Có cái nhìn.
*Có ý kiến tốt.*

35- 口 到 心 到
Khẩu đáo tâm đáo
Miệng tới, tâm tới.
*Nói được, làm được.*

36- 不 三 不 四
Bất tam bất tứ

Không ba, không bốn.
*Không ai cả.*

37- 不 上 不 下
Bất thượng bất hạ.
Không trên, không dưới.
*Không lên, không xuống.*

38- 不 大 不 小
Bất đại bất tiểu
Không lớn, không nhỏ.
*Đều không.*

39- 不 了 了 之
Bất liễu liễu chi
Mãi không xong.
*Phải giải quyết vấn đề tưởng không bao giờ dứt.*

40- 不 得 人 心
Bất đắc nhân tâm
Không được lòng người.
*Không được phổ biến.*

41- 不 得 不 說
Bất đắc bất thuyết
Không thể không nói.
*Không có cách nào khác là phải nói ra.*

42- 不 可 多 得
Bất khả đa đắc

Không thể được nhiều.
*Hiếm có.*

43- 不 得 已 爲 之

Bất đắc dĩ vi chi
Bất đắc dĩ phải làm.
*Phải làm vì không có cách nào khác.*

44- 從 小 到 大

Tòng tiểu đáo đại
Từ nhỏ đến lớn.
*Chỉ quá trình lớn khôn.*

45- 從 上 到 下

Tòng thượng đáo hạ
Từ trên xuống dưới.
*Chỉ toàn thể.*

46- 從 頭 做 起

Tòng đầu tố khởi
Làm một cái gì từ đầu.
*Tham gia từ đầu.*

47- 心 口 不 一

Tâm khẩu bất nhất
Tâm miệng không là một.
*Nói những gì mình không nghĩ.*

48- 心 想 事 成

Tâm tưởng sự thành

Cứ tưởng là thành.
*Chú tâm làm một việc gì.*

49- 心 不 二 用

Tâm bất nhị dụng
Tâm không thể tập trung cùng lúc vào 2 việc.
*Tâm chỉ có thể chú ý vào một việc thôi.*

50- 爲 之 心 動

Vi chi tâm động
Làm cho tâm động.
*Có khuynh hướng để hành động.*

51- 天 下 大 事

Thiên hạ đại sự
Việc lớn trong thiên hạ.
*Tin tức thế giới.*

52- 見 不 得 人

Kiến bất đắc nhân
Nhìn người không được.
*Mắc cỡ không dám nhìn người.*

53- 少 年 老 成

Thiếu niên lão thành
Thiếu niên lão thành .
*Trẻ mà đã trưởng thành.*

54- 中 看 不 中 用

Trung khán bất trung dụng

Đẹp mà vô dụng
*Chỉ đẹp mã.*

55- 可 大 可 小

Khả đại khả tiểu
Có thể lớn, có thể nhỏ.
*Có thể thích ứng.*

56- 出 人 頭 地

Xuất nhân đầu địa
Có điểm hơn người.
*Chỉ người nổi bật trong đám đông.*

57- 只 事 一 主

Chỉ sự nhất chủ
Chỉ thờ một chủ.
*Chỉ lòng trung thành.*

58- 頭 頭 是 道

Đầu đầu thị đạo
Đâu cũng là Đạo.
*Phải hợp lý và rõ ràng.*

59- 對 人 對 事

Đối nhân đối sự
Đối người, đối cảnh.
*Phải khách quan.*

60- 對 事 不 對 人

Đối sự bất đối nhân

Đối việc không đối người.
*Chỉ chú ý đến việc.*

61- 自 動 自 發

Tự động tự phát
Tự động , tự phát.
*Chỉ sự tự nguyện.*

62- 自 成 一 家

Tự thành nhất gia
Thành một lối riêng.
*Có riêng phong cách.*

63- 自 已 爲 是

Tự dĩ vi thị
Coi mình là đúng.
*Chắc mình đúng.*

64- 自 知 之 明

Tự tri chi minh
Tự biết cái sáng.
*Tự giác.*

65- 自 我 中 心

Tự ngã trung tâm
Lấy mình làm trung tâm.
*Coi mình là cái rốn của vũ trụ.*

66- 自 在 自 得

Tự tại tự đắc

Tự tại, tự đắc.
*Tự bằng lòng mình*.

67- 自 在 人 心

Tự tại nhân tâm
Mọi người đều biết.
*Chỉ sự tự tại*.

68- 有 樣 學 樣

Hữu dạng học dạng
Có dạng, học dạng.
*Chỉ sự bắt chước*.

69- 有 一 得 一

Hữu nhất đắc nhất
Có một, được một.
*Lấy cái gì có. Có cái gì lấy cái ấy*.

70- 有 頭 有 面

Hữu đầu hữu diện
Có đầu, có mặt.
*Có mặt mũi*.

71- 有 什 麽 說 什 麽

Hữu thập ma thuyết thập ma
Có gì nói nấy.
*Chỉ sự nói thẳng*.

72- 成 事 在 天

Thành sự tại thiên.

Chuyện thành là do trời.
*Ý trời, chỉ số phận.*

73- 成 爲 知 己

Thành vi tri dĩ
Trở thành bạn thân.
*Chỉ sự kết bạn.*

74- 好 事 爲 之

Hảo sự vi chi
Tốt do mình làm.
*Hãy kiểm điểm hành vi của mình.*

75- 好 人 好 事

Hảo nhân hảo sự
Người tốt, việc tốt.
*Người tốt kết quả tốt.*

76- 來 來 回 回

Lai lai hồi hồi
Đi đi, về về.
*Đi đi, về về.*

77- 來 來 去 去

Lai lai khứ khứ
Đến đến, đi đi.
*Chỉ sự cứ đến rồi lại đi.*

78- 來 回 來 去

Lai hồi lai khứ

Trở lại, ra đi.
*Trở lại rồi lại ra đi.*

79- 來 頭 不 小
Lai đầu bất tiểu
Người ấy địa vị không nhỏ.
*Địa vị không tầm thường.*

80- 老 大 不 小
Lão đại bất tiểu
Đủ già để làm.
*Chỉ sự đủ năng lực để làm việc.*

81- 老 老 小 小
Lão lão tiểu tiểu
Già già, trẻ trẻ.
*Chỉ tất cả mọi người.*

82- 老 來 得 子
Lão lai đắc tử
Lão lai có con.
*Chỉ ông già gân.*

83- 老 三 老 四
Lão tam lão tứ
Bắt chước lão tam, lão tứ.
*Chỉ sự bắt chước.*

84- 没 大 没 小
Một đại một tiểu

Chẳng lớn, chẳng nhỏ.
*Chỉ sự vô lễ.*

85- 知 人 之 明

Tri nhân chi minh
Biết cái hay của người.
*Công nhận khả năng của người.*

86- 知 人 知 面 不 知 心

Tri nhân tri diện bất tri tâm
Biết người, biết mặt, chẳng biết lòng.
*Đừng phán đoán một người dựa vào bề ngoài.*

87- 知 之 爲 知 之 不 知 之
Tri chi vi tri chi bất tri chi
爲 不 知 是 知 也
vi bất tri thị tri dã

Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết, đó là biết vậy.

88- 事 在 人 爲

Sự tại nhân vi
Việc do người làm.
*Tùy theo sự cố gắng của người.*

89- 事 不 得 已

Sự bất đắc dĩ
Việc bất đắc dĩ.
*Không cách nào khác.*

90- 看 頭 看 後

Khán đầu khán hậu
Nhìn trước, nhìn sau.
*Nhìn toàn cảnh.*

91- 國 家 大 事

Quốc gia đại sự
Việc lớn của đất nước.
*Chuyện quốc gia.*

92- 國 之 大 老

Quốc chi đại lão
Người có công với đất nước.
*Nhân sĩ.*

93- 學 到 老 學 不 了

Học đáo lão học bất liễu
Học đến già cũng chẳng xong.
*Phải học mãi mãi.*

94- 說 到 做 到

Thuyết đáo tố đáo
Nói được, làm được.
*Chỉ sự giữ lời hứa.*

95- 說 三 道 四

Thuyết tam đạo tứ
Nói ba, nói bốn.
*Chỉ sự hay buôn chuyện.*

96- 說 一 不 二

Thuyết nhất bất nhị
Nói một, không hai.
*Chỉ sự giữ lời.*

97- 前 前 後 後

Tiền tiền hậu hậu
Trước trước, sau sau.
*Từ đầu tới cuối.*

98- 家 有 一 老

Gia hữu nhất lão
Nhà có một người già.
*Chỉ sự vui trong nhà có người sống lâu.*

99- 想 前 想 後

Tưởng tiền tưởng hậu
Nghĩ trước, nghĩ sau.
*Nghĩ kỹ đi.*

100- 要 什 麼 有 什 麼

Yêu thập ma hữu thập ma
Muốn gì có nấy.
*Chỉ sự may mắn.*